

Hãy nối mỗi thuật ngữ với định nghĩa đúng.

(1) Tập hợp các trang Web có thể truy cập công khai và chia sẻ với một tên miền duy nhất.

Website

(2) Một chương trình hoặc phần mềm được sử dụng để tìm kiếm thông tin, thường là trên World Wide Web.

Trình duyệt Web (Web Browser)

(3) Một chương trình phần mềm được sử dụng để điều hướng trên World Wide Web.

Công cụ tìm kiếm (Search Engine)

Hãy chọn Đúng (True) nếu những thành phần thuộc giao diện của trình duyệt Web và chọn Sai (False) nếu không.

1. Thẻ (Tab)

☐ True

☐ False

2. Cửa sổ (Window)

☐ True

☐ False

3. Thanh địa chỉ (Address Bar)

☐ True

☐ False

4. Công cụ tìm kiếm (Search Engine)

☐ True

☐ False

5. Tác giả trang Web (Site Author)

☐ True

☐ False

6. Các ứng dụng (Applications)

☐ True

☐ False

Hãy nối mỗi thuật ngữ với định nghĩa đúng.

(1) Tài liệu siêu văn bản có thể được hiển thị bằng trình duyệt Web.

Công cụ tìm kiếm (Search Engine)

(2) Một chương trình hoặc phần mềm được sử dụng để tìm kiếm thông tin, thường là trên World Wide Web

Nghiên cứu (Research)

(3) Thu thập thông tin về một chủ đề.

Trang Web (Webpage)

Hãy chọn Đúng (True) nếu thông tin có thể sử dụng để kiểm tra độ tin cậy của một trang Web và chọn Sai (False) nếu không.

1. Tác giả (Author)

☐ True

☐ False

2. Tiêu đề (Title)

☐ True

☐ False

3. Ngày (Date)

☐ True

☐ False

4. Cách trình bày (Layout)

☐ True

☐ False

Đối với mỗi hành động, hãy chọn Có nếu đó là ví dụ về định dạng văn bản hoặc Không nếu không phải.

(1) In đậm văn bản

(2) Xóa một phần của đoạn văn bản

(3) Thay đổi kích cỡ và màu sắc của văn bản

Hãy chọn Đúng (True) nếu hành động có thể thực hiện với tài liệu văn bản (Text Document) và chọn Sai (False) nếu không.

1. Tăng kích thước phông chữ (Font Size).

☐ True

☐ False

2. Làm nổi bật (Highlight) văn bản.

☐ True

☐ False

3. Thay đổi mật khẩu (Password) Email của bạn.

☐ True

☐ False

Hãy nối mỗi thuật ngữ với định nghĩa tương ứng

(1) Một loại tập tin được tạo bởi một phần mềm ứng dụng; có thể được thao tác bởi ứng dụng đó.

Hình ảnh (Image)

(2) Một phần mềm được sử dụng để hiển thị thông tin trong trình chiếu.

Tài liệu (Document)

(3) Cách thông tin sẽ được trông như thế nào trên bản in hoặc hiển thị trên màn hình.

Định dạng (Formatting)

(4) Một hình ảnh hoặc đồ họa được lưu trữ dưới dạng điện tử.

Trình chiếu (Presentation)

(5) Một tập hợp các ký tự kiểu chữ hoặc văn bản có thể in hoặc hiển thị được; xác định hình dạng, kích thước và sự xuất hiện của các chữ cái, số và các ký tự đặc biệt.

Phông chữ (Font)

Hãy nối từng thuật ngữ với cách sử dụng thích hợp.

(1) Một phím trên bàn phím dùng để xóa bất kỳ ký tự nào trước / sau vị trí hiện tại của con trỏ.

Tab

(2) Một phím trên bàn phím dùng để đưa con trỏ đến đầu dòng tiếp theo; cũng có thể được sử dụng để thực hiện một lệnh hoặc hoạt động.

Enter / Return

(3) Một phím trên bàn phím dùng để di chuyển giữa các mục hoặc di chuyển về phía trước 5 ký tự (tùy thuộc vào nhiệm vụ).

Caps Lock

(4) Một phím ở trên cùng bên trái của bàn phím máy tính; cho phép người dùng hủy bỏ hoặc đóng một hoạt động.

Esc

(5) Một phím trên bàn phím dùng để máy tính có thể nhập các chữ cái viết hoa liên tục.

Backspace / Delete

Đối với mỗi phát biểu về việc đăng thông tin trên Internet, bạn hãy chọn đáp án Đúng (True) hoặc Sai (False) cho mỗi phát biểu dưới đây.

1. Sẽ không ai nhìn thấy nội dung bạn đã đăng ngoại trừ những người theo dõi bạn.

☐ True

☐ False

2. Xóa một hình ảnh hoặc Video khỏi phương tiện truyền thông xã hội sẽ xóa nó vĩnh viễn.

☐ True

☐ False

3. Những gì bạn đăng trên Internet có thể ảnh hưởng đến những gì mọi người nghĩ về bạn.

☐ True

☐ False

Đối với mỗi phát biểu về tương tác kỹ thuật số, hãy chọn Đúng (True) hoặc Sai (False).

1. Thật an toàn khi chia sẻ tên đầy đủ và vị trí của bạn với bạn bè trực tuyến của bạn.

☐ True

☐ False

2. Một công dân kỹ thuật số tốt sẽ xin phép trước khi chia sẻ ảnh của người khác.

☐ True

☐ False

3. Bạn có thể đưa ra những nhận xét ác ý trực tuyến miễn là bạn không nói chúng trực tiếp.

☐ True

☐ False

Hãy chọn Đúng (True) nếu đáp án là một phần của dấu ấn kỹ thuật số (Digital Footprint) và chọn Sai (False) nếu không.

1. Nhận xét của bạn về bài đăng trên mạng xã hội của một người bạn

☐ True

☐ False

2. Email bạn đã gửi

☐ True

☐ False

3. Ảnh bạn đã đăng lên mạng xã hội

☐ True

☐ False

4. Họ và tên của bạn

☐ True

☐ False

Hãy nối mỗi thuật ngữ với định nghĩa đúng.

(1) Cố ý quấy rối người khác bằng cách đăng trực tuyến bình luận xúc phạm, không liên quan hoặc có hại.

☒ Cộng đồng kỹ thuật số (Digital Community)

(2) Mức độ bảo vệ mà người dùng có khi sử dụng Internet, đặc biệt là về dữ liệu riêng tư hoặc nhạy cảm.

☒ Quyền riêng tư (Privacy)

(3) Một nhóm người giao tiếp bằng cách sử dụng Internet, thường là với mục đích hoặc mối quan tâm chung.

☒ Trò đùa (Trolling)

Hãy chọn Đúng (True) cho phát biểu đúng và chọn Sai (False) nếu phát biểu sai

1. Trực tuyến là mãi mãi.

☐ True

☐ False

2. Bạn có thể xóa vĩnh viễn các tin nhắn độc hại hoặc các bài đăng trên mạng xã hội khỏi internet.

☐ True

☐ False

3. Thông tin cá nhân như địa chỉ và số điện thoại không nên được đăng trực tuyến.

☐ True

☐ False

4. Bạn nên gửi tin nhắn riêng cho bạn cùng lớp bằng mật khẩu của mình trong trường hợp bạn quên mật khẩu.

☐ True

☐ False

Hãy chọn Câu chào hỏi [Greetings] nếu đáp án là lời chào và chọn Câu kết thúc [Closing Statements] nếu đáp án là lời kết thúc.

- (1) Những lời chúc tốt đẹp nhất [Best wishes],
- (2) Trân trọng [Sincerely yours],
- (3) Cô An thân mến [Dear miss An],
- (4) Xin chào [Good morning],

Hãy nối mỗi từ với định nghĩa thích hợp.

(1) Một tin nhắn điện tử được gửi qua Internet có thể chứa văn bản, tập tin, hình ảnh và tập tin đính kèm.

☒ Tin nhắn trong ứng dụng (In-app Message)

(2) Giao tiếp trực diện, trực quan với những người dùng Internet khác bằng Webcam.

☒ Thư điện tử (Email)

(3) Tin nhắn được gửi đến mọi người khi họ đang trực tiếp hoạt động trong một ứng dụng.

☒ Trò chuyện video (Video Chat)

Hãy nối với từng phương pháp giao tiếp kỹ thuật số với tình huống thích hợp nhất.

(1) Liên hệ với bộ phận hỗ trợ trực tuyến cho một sản phẩm.

☒ Tin nhắn trong ứng dụng (In-app Message)

(2) Gửi lịch đã sửa đổi cho tất cả mọi người trong đội diễn kinh.

☒ Tin nhắn văn bản (Text Message SMS)

(3) Thông báo cho bạn bè rằng bạn đang đến muộn.

☒ Thư điện tử (Email)

Hãy chọn Đúng (True) nếu đáp án là thành phần cơ bản của thư điện tử chọn Sai (False) nếu không.

1. Chủ đề (Subject)

☐ True

☐ False

2. Nội dung thư (Message Body)

☐ True

☐ False

3. Chữ ký (Signature)

☐ True

☐ False

4. Mật khẩu (Passwords)

☐ True

☐ False

5. Mã QR (QR Codes)

☐ True

☐ False

Hãy chọn Đúng (True) nếu là truyền thông kỹ thuật số (Digital Communication) và chọn Sai (False) nếu không.

1. Thư điện tử (Email)

☐ True

☐ False

2. Trò chuyện video (Video Chat)

☐ True

☐ False

3. Thư viết tay được gửi qua đường bưu điện

☐ True

☐ False

Hãy nối mỗi thuật ngữ với định nghĩa đúng.

(1) Nêu chủ đề của Email bằng một vài từ.



Dòng chủ đề (Subject Line)



(2) Nơi bạn nhập thông điệp thực sự bạn muốn gửi.



Nội dung thư (Message Body)



(3) Người nhận thư (địa chỉ Email bạn nhập vào trường To:).



Lời chào (Greetings)



(4) Điều đầu tiên được đọc trong một cuộc giao tiếp; Có thể không chính thức hoặc trang trọng tùy thuộc vào đối tượng.



Người nhận (Recipient)



Đối với mỗi phát biểu về mục tiêu cộng tác, bạn hãy chọn Đúng (True) hoặc Sai (False).

1. Học sinh học hỏi từ ý tưởng của người khác

☐ True

☐ False

2. Học sinh học cách giao tiếp với người khác

☐ True

☐ False

3. Học sinh học được rằng cách tốt nhất để làm việc là làm việc một mình

☐ True

☐ False

Trong các ví dụ sau, ví dụ nào là những ví dụ về sự thật (Facts)? Chọn Có hoặc Không cho mỗi ví dụ đã cho bên dưới.

(1)

Choose ▼

Có 24 giờ trong một ngày.

(2)

Choose ▼

Nhảy dù rất nguy hiểm.

(3)

Choose ▼

Thật là một ngày tuyệt vời.

Mục tiêu của sự cộng tác (Collaboration) là gì? Chọn Có hoặc Không.

- (1) Chia sẻ ý tưởng và kiến thức.
- (2) Làm việc cùng nhau để đạt được một kết quả chung.
- (3) Thuyết phục mọi người đồng ý với ý kiến của bạn.
- (4) Giữ kín ý tưởng và kiến thức của bạn.